TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 540/2022/HC-PT
Ngày: 25/07/2022
V/v: "*Khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: ông Đặng Văn Ý

bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Toà án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** ông Vũ Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 491/2021/TLPT-HC ngày 20/10/2021 về việc: "*Khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai*";

Do bản án hành chính sơ thẩm số 21/2021/HC-ST ngày 19/03/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 993/2022/QĐ-PT ngày 14/06/2022 giữa các đương sự:

1/Người khởi kiện:

Ông Phan Tùng B, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 1, xã N C, huyện B L, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Tùng B (văn bản ủy quyền ngày 04/08/2020):

Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: H V T, phường 2, Tp Tân An, tỉnh Long An.

2/Người bị kiện:

2.1/Ủy ban nhân dân huyện B L, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện B L (văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020):

Ông Lê Thành Ú - Phó Chủ tịch UBND huyện B L (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi của UBND huyện B L:

Ông Trần Văn H, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B L (có mặt).

2.2/Ủy ban nhân dân xã N C, huyện B L, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của UBND xã N C, huyện B L, tỉnh Long An:

Ông Đặng Thanh Ph - Chủ tịch UBND xã N C (vắng mặt, do đương sự có văn bản ghi ngày 09/03/2021 yêu cầu xét xử vắng mặt).

3/Người kháng cáo:

UBND huyện B L, tỉnh Long An, là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là ông Phan Tùng B trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Vào ngày 28/06/2018, ông Bình nộp đơn để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 7 và thửa đất số 9 cũ (nay là 01 phần thửa số 1, tờ bản đồ số 01-A và 01 phần thửa số 2, tờ bản đồ X-1A) theo thực tế đang sử dụng.

Đến ngày 18/09/2019, UBND xã N C ban hành văn bản số 571/UBND-ĐC có nội dung như sau: không chấp nhận xem xét đơn của ông Phan Tùng B vì đất mà ông Bình xin cấp giấy, là đất công.

Vào ngày 19/05/2020, UBND huyện B L ban hành văn bản số 602/UBND-VP để trả lời khiếu nại của ông Phan Tùng B; văn bản này có nội dung như sau: không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bình đối với thửa số 9 vì phần đất này đã được thu hồi, giao cho UBND xã N C quản lý từ năm 1996 theo quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 19/06/1996 của UBND huyện B L.

Vì vậy, ông Phan Tùng B khởi kiện về hành vi hành hành chính của UBND xã N C và UBND huyện B L, yêu cầu UBND xã N C và UBND huyện B L phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bình đối với diện tích đất mà ông Bình đang sử dụng, diện tích đo đạc thực tế là 1.828 m^2 thuộc 01 phần thửa số 2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã N C, huyện B L, tỉnh Long An.

Theo văn bản số 142/UBND-CV ngày 09/03/2021, người bị kiện là UBND xã N C trình bày ý kiến như sau:

UBND xã N C, huyện B L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và UBND xã N C sẽ thực hiện theo bản án Tòa án.

Theo văn bản số 9023/UBND-TNMT ngày 25/12/2020, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B L trình bày ý kiến như sau:

UBND huyện B L không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Tùng B đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 2 (nay là một phần số 01, tờ bản đồ số 01-A) và thửa đất số 09, tờ bản đồ số 2 (nay là một phần thửa số 2, tờ bản đồ X-1A) dựa trên các căn cứ sau đây:

-Căn cứ quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996 của UBND huyện B L về việc giải quyết trường hợp xin lại đất nông nghiệp của ông Lê Quan Hồng (ở ấp 1, xã N C); biên bản công bố quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996 được Phòng Địa chính lập vào ngày 18/10/1996; sổ mục kê đất của xã N C, huyện B L, tỉnh Long An được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An duyệt vào ngày 26/10/2000 tại trang số 01, tờ bản đồ số 01-A đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 02; đơn đề ngày 25/9/2019 yêu cầu thu hồi quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996 của UBND huyện B L; tờ trình đề ngày 25/02/2020 để bổ sung đơn ngày 25/09/2019 đơn; biên bản làm việc ngày 17/01/2020 và biên bản làm việc ngày 26/03/2020 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B L với ông Phan Tùng B.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 21/2021/HC-ST ngày 19/03/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử như sau:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tùng B về việc khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân xã N C và Ủy ban nhân dân huyện B L.

Hành vi hành chính của UBND xã N C, huyện B L và UBND huyện B L không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Tùng B, là trái pháp luật.

Buộc UBND xã N C và UBND huyện B L phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Tùng B đối với diện tích đất 1.828 m^2 (trong đó, diện tích nhà ở là 300 m^2), thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số X-1A, tọa lạc xã N C, huyện B L, tỉnh Long An theo đúng diện tích và loại đất thực tế mà ông Phan Tùng B đang sử dụng theo Luật Đất đai (theo mảnh trích đo địa chính do công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa xác lập ngày 20/01/2021)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vào ngày 02/04/2021, người bị kiện là UBND huyện B L có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tham gia tố tụng trình bày ý kiến như sau:

-Người kháng cáo là UBND huyện B L, tỉnh Long An, do ông Lê Thành Út đại diện, và người bảo vệ quyền lợi của UBND huyện B L, tỉnh Long An cùng trình bày lý do kháng cáo và yêu cầu kháng cáo như sau:

Ông Lê Quan Hồng yêu cầu lấy lại 4.000 m^2 đất thửa số 7 và thửa số 9, tờ bản đồ số 02, xã N C, huyện B L, do bà Nguyễn Thị Đầu (là mẹ của ông Phan Tùng B) và bà Trần Thị Đành đang sử dụng. Tại quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996, UBND huyện B L bác bỏ yêu cầu của ông Lê Quan Hồng, đồng thời thu hồi phần đất này, giao cho UBND xã N C, huyện B L quản lý (theo Điều 45 của Luật Đất đai năm 1993).

Quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996 nói trên đã được công bố vào ngày 18/10/1996; kể từ thời điểm đó cho đến nay, bà Nguyễn Thị Đầu (là mẹ của ông Phan Tùng B) không khiếu nại; ông Phan Tùng B cũng biết về quyết định này.

Phần đất hiện nay mà ông Phan Tùng B yêu cầu UBND huyện B L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là một phần trong diện tích 4.000 m^2 đất thửa số 7, thửa số 9 đã bị thu hồi theo quyết định 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996 nói trên. Vì vậy, việc UBND huyện B L không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Tùng B, là đúng luật.

Vì vậy, UBND huyện B L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tùng B;

-Người khởi kiện là ông Phan Tùng B, do ông Nguyễn Hoàng Lan đại diện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B L, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

-Những đương sự khác vắng mặt vì có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt; họ không có văn bản nào khác để thay đổi ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

-Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc UBND huyện B L, tỉnh Long An phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông Phan Tùng B, là vượt quá thẩm quyền, bởi vì trong trường hợp này, nếu việc làm của UBND huyện B L không đúng pháp luật, thì Tòa án chỉ có quyền tuyên bố rằng hành vi đó là trái pháp luật; việc còn lại sau đó sẽ do UBND huyện B L thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

Trong vụ án này, yêu cầu của ông Phan Tùng B đòi UBND huyện B L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.828 m^2 thuộc thửa đất số 7 và thửa đất số 9 cũ (nay là 01 phần thửa số 1, tờ bản đồ số 01-A và 01 phần thửa số 2, tờ bản đồ X-1A) xã N C, huyện B L, là không có căn cứ pháp luật bởi vì toàn bộ thửa đất số 7, số 9 xã N C là đất của Nhà nước, giao cho UBND xã N C quản lý từ năm 1996 theo quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996 của UBND huyện B L.

Với ý kiến nói trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B L, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tùng B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Vào ngày 28/06/2018, ông Phan Tùng B nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 7 và thửa số 9 cũ, nay là 01 phần thửa số 1, tờ bản đồ số 01-A và 01 phần thửa số 2, tờ bản đồ X-1A theo diện tích đất thực tế mà đương sự đang sử dụng, là 1.828 m^2.

Vào ngày 18/09/2019, UBND xã N C, huyện B L ra văn bản số 571/UBND-ĐC, trả lời rằng không chấp nhận xem xét đơn của ông Phan Tùng B vì lý do: phần đất mà đương sự yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là đất của Nhà nước, giao cho Ủy ban nhân dân xã N C quản lý từ năm 1996 theo quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 19/06/1996 của UBND huyện B L.

Sau đó, vào ngày 19/05/2020, UBND huyện B L ra văn bản số 602/UBND-VP để trả lời khiếu nại của ông Phan Tùng B; văn bản này trả lời ông Phan Tùng B như sau: không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Phan Tùng B đối với thửa số 9 vì phần đất này đã được thu hồi, giao cho UBND xã N C quản lý từ năm 1996 theo quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 19/06/1996 của UBND huyện B L.

[2]Không đồng ý với việc làm của UBND xã N C và của UBND huyện B L, ông Phan Tùng B khởi kiện hành vi hành chính của UBND xã N C và của UBND huyện B L, tỉnh Long An; yêu cầu những pháp nhân này phải thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự.

[3]Xét thấy việc khởi kiện của ông Phan Tùng B là không có căn cứ pháp luật; lý do như sau:

-Tại quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996 về việc "Giải quyết trường hợp khiếu nại xin lại đất sản xuất nông nghiệp của ông Lê Quan Hồng ở ấp I xã N C", UBND huyện B L, tỉnh Long An đã quyết định thu hồi phần đất sản xuất nông nghiệp có diện tích 4.000 m^2 thửa số 07 và thửa số 09, tờ bản đồ số 02 của xã N C, huyện B L (vào lúc đó, phần đất này đang do bà Nguyễn Thị Đầu, là mẹ của ông Phan Tùng B, và bà Trần Thị Đành, sử dụng) để giao cho UBND xã N C, huyện B L quản lý. Vào lúc này, Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực và quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996 của UBND huyện B L đúng thẩm quyền; quyết định này vẫn đang có hiệu lực pháp luật;

-Diện tích đất 1.828 m^2 mà ông Phan Tùng B đang sử dụng thực tế và đương sự đang có yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là một phần thuộc thửa đất số 7, số 9 đã bị chi phối bởi quyết định số 535/QĐ.UB ngày 19/09/1996 của UBND huyện B L nói trên.

[4]Với chứng cứ và tình tiết của vụ án phân tích nói trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tùng B, là không có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203; Điều 241; Điều 242 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

1/Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B L, tỉnh Long An; sửa bản án sơ thẩm số 21/2021/HC-ST ngày 19/03/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, như sau:

1.1/Tuyên bố rằng hành vi của Ủy ban nhân dân xã N C, huyện B L, tỉnh Long An và hành vi của Ủy ban nhân dân huyện B L, tỉnh Long An không cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông Phan Tùng B, là đúng pháp luật;

1.2/Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Tùng B đòi Ủy ban nhân dân xã N C, huyện B L, tỉnh Long An và Ủy ban nhân dân huyện B L, tỉnh Long An phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.828 m^2 thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số X-1A (trước đây là thửa số 7, số 9, tờ bản đồ số 2) tại xã N C, huyện B L, tỉnh Long An.

1.3/Về án phí sơ thẩm: ông Phan Tùng B được miễn (do đương sự là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí).

1.4/Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (3.000.000 đồng) và chi phí đo đạc (15.000.000 đồng): ông Phan Tùng B phải chịu (đương sự đã thi hành xong).

2/Về án phí phúc thẩm: đương sự không phải chịu. Trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện B L, tỉnh Long An số tiền đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003122 ngày 19/04/2021 của Cục thi hành án Dân sự, tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tối cao;
-VKSND cấp cao tại TP.HCM;
-Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
-VKSND tỉnh Long An;
-Cục THADS tỉnh Long An;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng